

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1378/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/10/2018
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Châu – Cán bộ Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát – Giảng viên Trường Đại học Sư phạm
Thành phố Hồ Chí Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí
Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2018/TLST-HNGĐ ngày 23
tháng 7 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 4316/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Isesaki-Shi, Kitashengicho, 1828-1, Japan (vắng mặt).

Đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ:
Đường K, phường P, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2018, và bản tự khai, nguyên đơn bà
Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Đỗ Xuân T quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2007 có làm
thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyền số
01/2007 ngày 18/9/2007.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Hiện tại bà sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, ông T sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Nay bà và ông Đỗ Xuân T không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Xuân T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Đình K, sinh ngày 28/11/2007, bà đồng ý để cho ông Đỗ Xuân T nuôi con chung, nếu ông T có yêu cầu cấp dưỡng thì bà sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Đỗ Xuân T trình bày: Ông và bà Phạm Thị L quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2007 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyền số 01/2007 ngày 18/9/2007.

Sau khi kết hôn ông và bà Phạm Thị L chung sống với nhau được 03 năm, trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách hai bên không hợp. Mặc dù ông và bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2010 đến nay ông và bà L đã sống ly thân, bà L hiện tại đang sinh sống ở Nhật Bản, ông nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông được biết bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với ông

Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị L

Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Đình K, sinh ngày 28/11/2007, hiện tại cháu đang ở với ông T, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà Phạm Thị L cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Trẻ Đỗ Đình K, sinh ngày 28/11/2007, xin được ở cùng với ông Đỗ Xuân T.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Phạm Thị L, bị đơn ông Đỗ Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn bà Phạm Thị L đang cư trú tại Nhật Bản, bị đơn ông Đỗ Xuân T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm :

Nguyên đơn bà Phạm Thị L, bị đơn ông Đỗ Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2/ Về áp dụng pháp luật nội dung :

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy :

Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Xuân T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có làm thủ tục đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2007 ngày 18/9/2007 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam được khoảng 03 năm. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2010 bà L và ông T đã sống ly thân. Do thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng, tin tưởng, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, không thể hàn gắn tình cảm. Bà Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu được ly hôn. Ý kiến của ông Đỗ Xuân T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thị L.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau.

Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Có 01 con chung là Đỗ Đình K, sinh ngày 28/11/2007, đôi bên thống nhất giao cho ông Đỗ Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét cháu K đã sinh sống với ông T từ nhỏ, để đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của trẻ, mặt khác xét theo nguyện vọng của trẻ là xin được tiếp tục ở với cha, Hội đồng xét xử xét nguyện vọng trên là phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đỗ Xuân T không yêu cầu bà Phạm Thị L cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Về tài sản chung và nợ chung : bà Phạm Thị L và ông Đỗ Xuân T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ; Điều 54; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57 ; Điều 81 ; Điều 82 ; Điều 83, Điều 84 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 ;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị L được ly hôn ông Đỗ Xuân T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp ngày 18/9/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung : Giao trẻ Đỗ Đình K, sinh ngày 28/11/2007 cho ông Đỗ Xuân T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trẻ trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phạm Thị L do ông Đỗ Xuân T không yêu cầu.

Bà L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu bà L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Trong trường hợp có yêu cầu của bà L, ông T, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0049154 ngày 20/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

4/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn ông Đỗ Xuân T; bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Đỗ Xuân T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Thiên Hương

